

compound finals (a, o group)

1. **Instruction:** click on the finals and listen to the pronunciation.

ai ai	ao ao	an an	ang ang	ou ou	ong ong
--	--	--	--	--	--

2. **Instruction:** listen to the audio, choose the correct answer.

	A. hǎi B. hǎo C. kǎi D. hǎn		A. zài B. chài C. cài D. sài
	A. làng B. lǎng C. lán D. láng		A. tāng B. tān C. dāng D. tōng
	A. bāu B. bāo C. pāo D. bō		A. māo B. móu C. máo D. mán
	A. duò B. dòu C. tòu D. tuò		A. tóu B. tuó C. dóu D. dóng
	A. sōng B. cōng C. tōng D. zōng		A. chóng B. zhóng C. shóu D. chóu

compound finals (a, o group)

 A. fàn B. pàn C. fàng D. fán	 A. wǎng B. wǎn C. wǎi D. wǎ
---	---

3. **Instruction:** Click the audio button to record a reading of your own, match the Hanzi in the picture below.

nǎi  nǎi 奶	dàn  dàn 蛋
shān  shān 山	māo  māo 猫
hóu  hóu 猴	yáng  yáng 羊
gǒu  gǒu 狗	lóng  lóng 龙